TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2017/DS-PT
Ngày: 08-9-2017
V/v kiện chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ.

Ông Hoàng Viết Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Ông Trần Mỹ Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc "tranh chấp thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DSST ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Quốc V, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Chu Thị M, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số nhà 36, tổ 8, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Người được bị đơn ủy quyền tham gia tố tụng*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Căn hộ 1902, nhà CT1, Đô thị V, quận H, Thành phố Hà Nội (Có mặt). Hợp đồng ủy quyền số 636/2017/HĐUQ ngày 23/8/2017.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị M (Có mặt)

2. Anh Trần Anh Đ(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Anh Trần Tiến T(Vắng mặt)

4. Chị Trần Anh P(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

5. Bảo hiểm xã hội thành phố H.

Địa chỉ: Phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Văn D – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức Th – Chức vụ: Phó Giám đốc (Được ủy quyền theo văn bản số 159/CV-BHXHTP ngày 31/10/2016). Có mặt.

6. Bảo hiểm xã hội tỉnh Hòa Bình.

Địa chỉ: Phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh H– Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng P – Chức vụ: Phó Trưởng phòng phòng chế độ chính sách (Được ủy quyền theo văn bản số 2460/BHXH–CĐBHXH ngày 28/10/2016 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hòa Bình). Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Chu Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

**** Nguyên đơn anh Trần Quốc V trình bày:***

Bố anh là ông Trần Việt Tr kết hôn với mẹ anh bà Nguyễn Thị M năm 1983 được UBND xã Y xác nhận, tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Bố mẹ anh sinh được 02 người con là anh và anh Trần Anh Đ. Sau khi kết hôn mẹ anh ở quê thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, còn bố anh công tác tại Hòa Bình. Thời gian bố anh công tác ở Hòa Bình, ông Tr có chung sống cùng bà Chu Thị M có hai con chung. Năm 1986 bà M đưa bố anh về xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ Tĩnh (nay là tỉnh Nghệ An) đăng ký kết hôn, mẹ anh và gia đình không ai biết.

Khi bố anh ốm nằm viện mẹ anh và anh trông nom, chăm sóc. Ngày 11/4/2016 bố anh chết, trước khi mất bố anh dặn nếu ông mất đưa ông về quê làm ma theo phong tục. Anh và mẹ anh (bà Nguyễn Thị M) lo chi phí mai táng cho bố anh hết hơn 41.000.000 đồng.

Sau khi bố anh mất bà Chu Thị M kê khai thân nhân để lĩnh tiền trợ cấp mai táng và trợ cấp tử tuất. Cơ quan bảo hiểm xã hội Thành phố H chi trả cho bà M 143.493.000 đồng.

Anh đề nghị Tòa án chia thừa kế số tiền 143.493.000 đồng cho mẹ anh (bà Nguyễn Thị M) và 04 người con của bố anh.

**** Người được bị đơn ủy quyền và bị đơn bà Chu Thị M trình bày:***

Bà và ông Tr đã sống chung hơn 30 năm và có hai con chung anh Trần Tiến T sinh năm 1986, chị Trần Anh P sinh năm 1998. Năm 1986 bà và ông Tr có về quê bà tại xã Đ, huyện Đ, Nghệ An, đăng ký kết hôn (Số đăng ký kết hôn 25 ngày 26/5/1986)

Tháng 01/2014 ông Tr ốm nặng nên xin nghỉ trước từ tháng 3/2015; anh Trần Tiến T đã đưa bố đi khám bệnh tại bệnh viện Hà Nội, bệnh viện Hòa Bình. Mẹ con bà chăm sóc ông Tr từ khi bệnh đến khi chết (ngày 11/4/2016). Khi ông Tr chết, bà đưa ông Tr về tổ dân phố số 8, nơi gia đình bà sinh sống lo tang lễ, sau đó đưa chồng bà về Ba Vì. Trước khi chết chồng bà có dặn bà tiền tử tuất thanh toán ở Bảo hiểm xã hội dành cho con gái là chị P ăn học, không được chia.

Bà chi phí mai táng cho ông Tr hết 20.680.000 đồng, có bảng kê gửi Tòa án. Nay anh V đòi chia thừa kế số tiền 143.493.000 đồng tiền tuất của ông Tr, bà đề nghị Tòa án giải quyết chia cho cháu Trần Anh Pmột nửa số tiền trên vì cháu còn đang đi học, số tiền còn lại đề nghị Tòa án chia cho 06 (Sáu người) gồm: bà Chu Thị M, bà Nguyễn Thị M, anh Trần Quốc V, anh Trần Anh Đ, anh Trần Tiến T, chị Trần Anh P. Nếu không được như vậy thì bà đề nghị hỗ trợ cho cháu Trần Anh P là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) số tiền còn lại đề nghị Tòa án chia đôi số tiền trên, mỗi gia đình một nửa

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị M trình bày*:** Bà kết hôn với ông Tr ngày 02/10/1983 tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi đăng ký kết hôn, tôi và ông Tr đều có giấy xác nhận cả hai đều chưa có gia đình. Quá trình chung sống, chúng tôi có 02 con chung là anh Trần Quốc V (nguyên đơn) và anh Trần Anh Đ.

Chồng tôi công tác tại Hòa Bình, năm 1983 ông Tr có quan hệ tình cảm với bà Chu Thị M. Năm 1986 bà báo cáo cơ quan ông Tr việc ông Tr có quan hệ tình cảm với bà M, sau đó ông Tr về quê xin lỗi bà để cho ông được đi lại chăm sóc cả hai người. Năm 2009 bà M đưa hai con chung của bà M và ông Tr là cháu Trần Tiến T, Trần Anh P về xin lỗi bà và gia đình để cho các con qua lại.

Tháng 4/2016 chồng bà mất, bà lo mai táng cho ông Tr hết 41.150.000 đồng, có bảng kê gửi Tòa án.

Sau khi chồng bà mất, bà M tự ý kê khai thân nhân của ông Tr và nhận 143.493.000 đồng tại Bảo hiểm xã hội Thành phố H.

Bà đề nghị Tòa án chia thừa kế số tiền 143.493.000 đồng cho bà và 04 người con của ông Tr.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Anh Trần Anh Đ trình bày:***

Thống nhất với lời khai của bà Nguyễn Thị M, anh là con của ông Trần Việt Tr và bà Nguyễn Thị M, đề nghị chia số tiền tuất của bố anh 143.493.000 đồng cho mẹ anh và 04 người con của bố anh.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Anh Trần Tiến T*** trình bày thống nhất với lời khai của bị đơn bà Chu Thị M, bố anh là ông Trần Việt Tr và mẹ là Chu Thị M. Khi bố anh mất mẹ anh (bà M) đã nhận 143.493.000 đồng tiền trợ cấp mai táng và trợ cấp tuất một lần từ cơ quan bảo hiểm chi trả. Anh đồng ý với ý kiến của mẹ anh, thực hiện lời bố anh dặn số tiền trợ cấp để lại cho em gái anh (chị Trần Anh P) ăn học; nếu không được như lời bố anh, đề nghị Tòa án trừ số tiền 20.680.000 đồng mẹ anh lo mai táng cho bố anh, số còn lại chia cho mẹ anh và bốn người con của bố anh.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Chị Trần Anh P trình bày:***

Thống nhất với lời khai của bà M (mẹ chị) và anh T (anh trai) về quan hệ huyết thống, ông Trần Việt T và mẹ là Chu Thị M là bố, mẹ chị, bố chị (ông Tr) mất ngày 11/4/2016. Khi bố chị chết, gia đình chị được cơ quan bảo hiểm chi trả 143.493.000 đồng. Đề nghị thực hiện theo lời bố chị trước khi chết số tiền trợ cấp của ông để cho chị ăn học. Nay anh V khởi kiện chị đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Hòa Bình - Đại diện là bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:***

Ngày 11/5/2016 Bảo hiểm xã hội tỉnh Hòa Bình nhận được hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ tử tuất cho ông Trần Việt Tr. Sau khi kiểm tra hồ sơ do bà M cung cấp, cơ quan bảo hiểm đã căn cứ các văn bản để chi trả tiền cho người thân của ông Tr, cụ thể nhưu sau:

Căn cứ Điều 70- Mục 5 Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13, Nghị định 115/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ và thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Căn cứ hồ sơ theo quy định và quy trình giải quyết chế độ Bảo hiểm xã hội. Đối chiếu với chế độ, chính sách nhà nước đã quy định Bảo hiểm xã hội tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định số 1267/QĐ-BHXH ngày 16/5/2016 về việc

hưởng chế độ tử tuất một lần đối với nhân thân ông Trần Việt T, người đứng tên trợ cấp là bà Chu Thị M theo đúng quy định.

Ngày 10/6/2016 bà Chu Thị M đã nhận đủ số tiền 143.493.000 đồng trong đó tiền trợ cấp mai táng là 1.150.000 x 10 tháng = 11.500.000 đồng, trợ cấp tuất một lần là 131.993.000 đồng.

Việc bà M khai thiếu hai người con của ông Tr với bà Nguyễn Thị M là do lỗi của bà M không khai với cơ quan bảo hiểm. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố H - Đại diện là ông Phạm Đức Th trình bày:***

Việc chi tiền hưởng chế độ tử tuất một lần đối với thân nhân ông Trần Việt Tr cơ quan làm đúng quy định, bà Chu Thị M đã nhận đủ số tiền 143.493.000 đồng trong đó tiền trợ cấp mai táng là 1.150.000 x 10 tháng = 11.500.000 đồng, trợ cấp tuất một lần là 131.993.000 đồng. Việc bà M không khai ông Tr còn hai người con khác là anh V, anh Đ thì bà M phải chịu trách nhiệm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị M, anh V không yêu cầu khoản tiền 41.150.000 đồng mà anh V và bà Nguyễn Thị M đã lo mai táng cho ông Tr. Số tiền bà M nhận từ Bảo hiểm xã hội thành phố H là 143.493.000 đồng, trừ 20.680.000 đồng bà M đã chi mai táng phí cho ông Tr và đồng ý hỗ trợ 4.025.000 đồng cho chị Trần Anh P(*chị P còn thiếu 07 tháng mới đủ 18 tuổi, mỗi tháng là 575.000 đồng*), số còn lại chia đều cho 05 người gồm bà Nguyễn Thị M, 02 người con chung của bà và ông Tr (anh Trần Quốc V, anh Trần Anh Đ) và 02 người con chung của bà M và ông Tr (anh Trần Tiến T, chị Trần Anh P).

Bản án sơ thẩm số: 04/2017/DSST ngày 03/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 617, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự ; Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Quốc V.

Xác nhận khối di sản thừa kế của ông Trần Việt Tr để chia là 118.788.000 đồng.

Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Việt Tr gồm: Bà Nguyễn Thị M, anh Trần Quốc V, anh Trần Anh Đ, anh Trần Tiến T, chị Trần Anh P.

Chia 118.788.000 đồng cho 05 người gồm Bà Nguyễn Thị M, anh Trần Quốc V, anh Trần Anh Đ, anh Trần Tiến T, mỗi người được hưởng 23.757.600

đồng. Chị Trần Anh P được cộng thêm 4.025.000 đồng, tổng là 27.782.600 đồng.

Buộc bà Chu Thị M phải thanh toán trả:

- Bà Nguyễn Thị M 23.757.600 đồng.

- Anh Trần Quốc V 23.757.600 đồng.

- Anh Trần Anh Đ 23.757.600 đồng.

- Anh Trần Tiến T 23.757.600 đồng.

- Chị Trần Anh P 23.757.600 đồng.

Bà Chu Thị M được nhận số tiền 20.680.000 đồng tiền mai táng phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự, lãi suất chậm thi hành án, điều kiện thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/4/2017, anh Trần Tiến T- người được bà Chu Thị M ủy quyền có đơn kháng cáo.

Ngày 20/4/2017 bị đơn bà Chu Thị M kháng cáo bổ sung, nội dung kháng cáo:

Cụ thể: Bà không nhất trí với án sơ thẩm, đề nghị tòa phúc thẩm xem xét công nhận bà là vợ hợp pháp của ông Trần Việt Tr và được quyền thừa kế di sản ông Tr để lại; Đề nghị tòa xem xét chị Trần Anh P(là con đẻ của bà và ông Tr) được hưởng thừa kế một nửa số tiền mà bảo hiểm thanh toán tiền trợ cấp mai táng và trợ cấp tử tuất khi ông Tr mất, vì chị P còn đang đi học, số tiền còn lại chia đều cho bà, bà Nguyễn Thị M và 04 người con của ông Tr.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời bổ sung kháng cáo, nếu không được giải quyết như nội dung kháng cáo thì bà yêu cầu hỗ trợ cho cháu Trần Anh P20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), số tiền còn lại chia đôi (mỗi gia đình một nửa).

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị M, giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, là đúng pháp luật.

Năm 1983, ông Trần Việt Tr kết hôn với bà Nguyễn Thị M tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có đăng ký kết hôn. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mên và ông Trần Việt Tr là hợp pháp và đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống ông Tr, bà Nguyễn Thị M có hai con chung là anh Trần Quốc V sinh năm 1985, anh Trần Anh Đ sinh năm 1990.

[2] Xét kháng cáo của bà Chu Thị M yêu cầu Tòa công nhận bà là vợ hợp pháp của ông Tr và được quyền thừa kế di sản ông Tr để lại, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 1986 bà M và ông Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện Đ, Nghệ An (quê bà M), bà chung sống với ông Tr hơn 30 năm và có 02 con chung là anh Trần Tiến Tsinh năm 1986, chị Trần Anh Psinh năm 1998.Việc UBND xã Đ đăng ký kết hôn cho bà M và ông Tr trong khi hôn nhân của ông Tr và bà Nguyễn Thị M đang tồn tại hợp pháp là trái với luật hôn nhân và gia đình; do đó quan hệ hôn nhân của bà M với ông Tr là không hợp pháp và không được pháp luật công nhận. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà Chu Thị M.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà Nguyễn Thị M, anh Trần Quốc V công nhận anh Trần Tiến Tsinh năm 1986, chị Trần Anh P sinh năm 1998 là con chung của ông Tr và bà M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị M, anh Trần Quốc V, anh Trần Anh Đ, anh Trần Tiến T, chị Trần Anh P thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr và được hưởng di sản của ông Tr để lại là đúng với quy định Điều 651 Bộ luật dân sự.

Bị đơn bà Chu Thị M công nhận đã lĩnh số tiền tử tuất 01 lần của ông Tr là 131.993.000 đồng, trợ cấp mai táng 11.500.000 đồng, tổng cộng 143.493.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền này là tài sản của ông Tr và chia thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà Chu Thị M yêu cầu Tòa án xem xét cho chị P được hưởng một nửa số tiền 143.4930.000 đồng (tử tuất và mai táng của ông Tr), thấy rằng:

Trước khi chết ông Tr không để lại di chúc, nên Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế số tiền 143.493.000 đồng và xác định bà Nguyễn Thị M, anh V, anh Đ, anh T, chị P được hưởng thừa kế của ông Tr ngang nhau là có căn cứ. Do đó, việc bà M kháng cáo yêu cầu chị P được hưởng ½ số tiền tử tuất và mai táng của ông Tr 143.493.000 đồng, là không có căn cứ, không được pháp luật công nhận.

[4] Xét kháng cáo của bà Chu Thị M, đề nghị hỗ trợ cho chị Trần Anh P 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), số tiền còn lại chia đôi, mỗi gia đình một nửa. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định các đồng thừa kế được hưởng kỷ phần bằng nhau là đúng quy định của pháp luật. Mặt khác anh Trần Quốc V, bà Nguyễn Thị M và các đồng thừa kế, đồng ý trích trong tổng số tiền tử tuất của ông Trần Việt Tr, hỗ trợ cho chị Trần Anh P4.025.000 đồng (*Bốn triệu, không trăm, hai lăm ngàn đồng*), khi chị Trần Anh Pcòn thiếu 07 tháng mới đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật và trái đạo đức xã hội. Do đó không có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo này của bà Chu Thị M.

Tòa án sơ thẩm xác định số tiền bà M nhận từ Bảo hiểm xã hội Thành phố H là 143.493.000 đồng, trừ hai khoản tiền (bà M chi phí mai táng cho ông Tr 20.680.000 đồng, cộng số tiền cấp dưỡng cho chị P là 4.025.000 đồng (7 tháng x 575.000 đồng/tháng (*chị P còn thiếu 07 tháng mới đủ 18 tuổi)*, số tiền còn lại 118.788.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm chia đều cho 5 người gồm bà Nguyễn Thị M, anh V, anh Đ, anh T và chị P, mỗi người một suất thừa kế bằng 23.757.600 đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định và căn cứ pháp luật nêu trên, yêu cầu kháng cáo của bà Chu Thị M là không có cơ sở chấp nhận. Cần giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự là không chính xác mà phải tuyên lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Chu Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Chu Thị M. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố H. Cụ thể:

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 616, 617, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật dân sự; Điều 468 Bộ luật dân sự, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Quốc V.

Xác nhận khối di sản thừa kế của ông Trần Việt Tr để chia là 118.788.000 đồng.

Xác nhận hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Việt Tr gồm: Bà Nguyễn Thị M, anh Trần Quốc V, anh Trần Anh Đ, anh Trần Tiến T, chị Trần Anh P.

Chia 118.788.000 đồng cho 05 người gồm Bà Nguyễn Thị M, anh Trần Quốc V, anh Trần Anh Đ, anh Trần Tiến T, mỗi người được hưởng 23.757.600 đồng. Chị Trần Anh P được cộng thêm 4.025.000 đồng, tổng là 27.782.600 đồng.

Buộc bà Chu Thị M phải thanh toán trả:

- Bà Nguyễn Thị M 23.757.600 đồng.

- Anh Trần Quốc V 23.757.600 đồng.

- Anh Trần Anh Đ 23.757.600 đồng.

- Anh Trần Tiến T23.757.600 đồng.

- Chị Trần Anh P 23.757.600 đồng.

Bà Chu Thị M được nhận số tiền 20.680.000 đồng tiền mai táng phí.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Về án phí: Bà Chu Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0003122 ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh HB;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng